

Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC  
(Đề thi có 01 trang)

MÃ ĐỀ 101

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1.** Để biểu hiện các đối tượng địa lí phân bố theo điểm cụ thể ta dùng phương pháp

- A. kí hiệu  
B. đường chuyển động  
C. chấm điểm  
D. bản đồ-biểu đồ

**Câu 2.** Trên Trái Đất có hiện tượng luân phiên ngày, đêm là do

- A. Trái Đất hình khối cầu và tự quay quanh trục.  
B. Trái Đất tự quay quanh trục và trên bề mặt Trái Đất có nhiều múi giờ.  
C. tia sáng mặt trời chiếu xuống bề mặt Trái Đất mỗi nơi một khác.  
D. các nơi trên Trái Đất nhìn thấy Mặt Trời ở những độ cao khác nhau.

**Câu 3.** Nhiệt độ tăng, không khí nở ra, tỉ trọng giảm, khí áp giảm. Đó là khí áp thay đổi:

- A. Theo độ cao  
B. Theo nhiệt độ  
C. Theo độ ẩm  
D. Theo nhiệt độ và độ ẩm

**Câu 4.** Khi chuyển động trên quỹ đạo. Trục Trái Đất nghiêng, không đổi hướng so với mặt phẳng một góc là:

- A.  $36^{\circ}63'$   
B.  $66^{\circ}33'$   
C.  $33^{\circ}66'$   
D.  $63^{\circ}36'$

**Câu 5.** Cấu trúc của Trái Đất gồm có:

- A. Lớp vỏ Trái Đất.  
B. Lớp Manti  
C. Nhân Trái Đất  
D. Các ý trên đúng

**Câu 6.** Bước đầu của quá trình tác động ngoại lực là:

- A. Vận chuyển  
B. Phong hóa  
C. Bóc mòn  
D. Bồi tụ

**Câu 7.** Nguồn năng lượng sinh ra nội lực chủ yếu là

- A. năng lượng từ Vũ trụ.  
B. năng lượng của động đất, núi lửa.  
C. năng lượng ở trong lòng Trái Đất.  
D. năng lượng của bức xạ Mặt Trời.

**Câu 8.** Khí áp thay đổi theo yếu tố nào?

- A. Theo độ cao  
B. Theo nhiệt độ  
C. Theo độ ẩm  
D. Các ý trên đúng

**Câu 9.** Càng lên vĩ độ cao thì nhiệt độ trung bình năm:

- A. Càng giảm  
B. Càng tăng  
C. Không thay đổi  
D. Ý A và B đúng

**Câu 10.** Nấm đá là dạng địa hình do

- A. nước chảy tạo thành.  
B. sóng vỗ tạo thành.  
C. băng hà tạo thành.  
D. gió thổi tạo thành.

----- HẾT -----

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1.** Để thể hiện thể hiện giá trị tổng cộng của một hiện tượng địa lí trên 1 đơn vị lãnh thổ ta dùng phương pháp

- A. kí hiệu  
B. đường chuyển động  
C. chấm điểm  
D. bản đồ-biểu đồ

**Câu 2.** Khi Trái Đất ở xa Mặt Trời nhất thì khoảng cách từ Trái Đất đến Mặt Trời là: (làm tròn số).

- A. 149 triệu km  
B. 150 triệu km  
C. 152 triệu km  
D. 154 triệu km

**Câu 3.** Có 2 ngày trong năm mà mọi địa điểm trên Trái Đất có ngày và đêm dài bằng nhau là:

- A. 22-3 và 23-9  
B. 22-6 và 22-12  
C. 23-9 và 22-12  
D. 21-3 và 23-9

**Câu 4.** Người ta chia bề mặt Trái Đất thành bao nhiêu múi giờ?

- A. 12  
B. 16  
C. 22  
D. 24

**Câu 5.** Thời điểm trong năm ở mọi nơi trên bán cầu Bắc có thời gian ban ngày dài bằng thời gian ban đêm (bằng 12 giờ) là

- A. ngày 21/3 và 23/9.  
B. ngày 22/6.  
C. ngày 22/12.  
D. tất cả các ngày trong năm

**Câu 6.** Màng kiến tạo nào không có lục địa?

- A. Màng Thái Bình Dương.  
B. Màng Bắc Mỹ.  
C. Màng Nam Mỹ.  
D. Màng Nam Cực.

**Câu 7.** Nguyên nhân chủ yếu làm cho các đai khí áp không liên tục mà bị chia cắt thành từng khu khí áp riêng biệt là

- A. hoạt động của dải hội tụ nhiệt đới.  
B. tác động của hoàn lưu khí quyển.  
C. sự phân bố xen kẽ giữa lục địa và đại dương.  
D. ảnh hưởng của các dòng biển.

**Câu 8.** Quá trình phong hóa gồm có:

- A. Phong hóa vật lí  
B. Phong hóa hóa học  
C. Phong hóa sinh học  
D. Cả 3 ý trên đều đúng

**Câu 9.** Hiện tượng uốn nếp do vận động theo phương:

- A. Nằm ngang  
B. Thẳng đứng  
C. Nằm nghiêng  
D. Tất cả đều đúng.

**Câu 10.** Phân bố nhiệt độ của không khí trên Trái Đất chủ yếu là:

- A. Phân bố theo vĩ độ địa lí  
B. Phân bố theo lục địa và đại dương  
C. Phân bố theo địa hình  
D. Các ý trên đúng

----- HẾT -----

Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
(Đề thi có 01 trang)

**MÃ ĐỀ 103**

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1.** Để biểu hiện sự phân bố khoáng sản trên bản đồ người ta sử dụng kí hiệu

- A. chấm điểm  
B. đường  
C. biểu đồ  
D. chữ và hình học

**Câu 2.** Khoảng cách trung bình từ Trái Đất đến Mặt Trời là:

- A. 149,6 triệu km  
B. 194,6 triệu km  
C. 164,9 triệu km  
D. 146,9 triệu km

**Câu 3.** Khí quyển là lớp không khí bao quanh Trái Đất, thường chịu ảnh hưởng của Vũ Trụ trước hết là:

- A. Trái Đất  
B. Mặt Trời  
C. Hỏa Tinh  
D. Mặt Trăng

**Câu 4.** Cấu trúc của Trái Đất từ ngoài vào trong là

- A. nhân Trái Đất - lớp vỏ Trái Đất - lớp Manti  
B. nhân Trái Đất - lớp Manti - lớp vỏ Trái Đất  
C. lớp vỏ Trái Đất - lớp Manti - nhân Trái Đất  
D. lớp Manti - nhân Trái Đất - lớp vỏ Trái Đất

**Câu 5.** Nơi có nhiệt độ cao nhất trên Trái Đất là khu vực:

- A. Xích đạo  
B. Chí tuyến  
C. Ý A và B đúng  
D. Ý A và B đúng

**Câu 6.** Thạch quyển có bao nhiêu mảng kiến tạo lớn:

- A. 5  
B. 6  
C. 7  
D. 8

**Câu 7.** Không làm thay đổi thành phần của đá là:

- A. Phong hóa hóa học  
B. Phong hóa sinh học  
C. Phong hóa vật lí (lí học)  
D. Phong hóa học và sinh học

**Câu 8.** Hang động là kết quả của

- A. sự hòa tan đá vôi do nước.  
B. quá trình phong hóa lí học.  
C. quá trình phong hóa đá vôi với tác nhân là sinh vật.  
D. các tác nhân ôxi và axit hữu cơ phong hóa đá vôi.

**Câu 9.** Càng lên vĩ độ cao thì góc chiếu của Mặt Trời.

- A. Càng lớn  
B. Không thay đổi  
C. Càng nhỏ  
D. Ý A và C sai.

**Câu 10.** Không khí chứa nhiều hơi nước thì khí áp như thế nào?

- A. Tăng  
B. Giảm  
C. Trung bình  
D. Tăng hoặc giảm

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
TRƯỜNG THPT MƯỜNG TÈ

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT**  
**MÔN: ĐỊA LÝ LỚP 10**  
**NĂM HỌC 2018 - 2019**

Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
(Đề thi có 01 trang)

**MÃ ĐỀ 104**

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1.** Để trình bày và giải thích chế độ nước của một con sông chủ yếu sử dụng những bản đồ

- A. hành chính, kinh tế  
B. động vật, thực vật  
C. thổ nhưỡng, địa hình  
D. khí hậu, địa hình

**Câu 2.** Hành tinh nào trong Hệ Mặt Trời không có vệ tinh:

- A. Thủy tinh, Kim tinh  
B. Mộc tinh, Thổ tinh  
C. Trái Đất, Hỏa tinh  
D. Mộc tinh, Hỏa tinh

**Câu 3.** Trái Đất là hành tinh thứ mấy tính từ trong ra ngoài?

- A. 2  
B. 3  
C. 4  
D. 5

**Câu 4.** Khoảng không gian vô tận chứa các thiên hà là

- A. hành tinh  
B. vũ trụ  
C. hệ mặt trời  
D. thiên thể

**Câu 5.** Trạng thái vật chất của lớp Manti là:

- A. Rắn, lỏng  
B. Quánh dẻo  
C. Rắn ở lớp Manti trên  
D. Quánh dẻo ở lớp Manti trên, rắn ở lớp Manti dưới

**Câu 6.** Cấu trúc của Trái Đất gồm có mấy lớp chính?

- A. 2  
B. 3  
C. 4  
D. 5

**Câu 7.** Nội lực là lực sinh ra ở:

- A. Bên ngoài Trái Đất  
B. Bên trong Trái Đất  
C. Bên trong và bên ngoài Trái Đất  
D. Tất cả đều sai

**Câu 8.** Càng lên cao không khí càng loãng, sức nén càng nhỏ, do đó:

- A. Khí áp tăng  
B. Khí áp giảm  
C. Khí áp không thay đổi.  
D. Ý A và B đúng

**Câu 9.** Khi nhiệt tăng, không khí nở ra, khí áp giảm thì:

- A. Ti trọng giảm  
B. Ti trọng tăng  
C. Ti trọng không thay đổi  
D. Ý A và B đúng

**Câu 10.** Địa hình các rãnh nông, khe rãnh xói mòn, các thung lũng sông suối là kết quả của

- A. quá trình đứt gãy.  
B. xâm thực do nước chảy trên mặt  
C. xâm thực do băng hà tạo thành.  
D. tác động xâm thực và mài mòn của sóng biển

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
TRƯỜNG THPT MƯỜNG TÈ

ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT  
MÔN: ĐỊA LỚP 10  
NĂM HỌC 2018 - 2019

Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC  
(Đề thi có 02 trang)

MÃ ĐỀ 101

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1.** Yếu tố quyết định đến sự biến động dân số thế giới là

- A. nhập cư và xuất cư.  
B. sinh đẻ và tử vong.  
C. số trẻ em sinh ra hằng năm.  
D. số người tử vong hằng năm.

**Câu 2. Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra với**

- A. số trẻ em bị tử vong cùng thời điểm. B. số phụ nữ trong cùng thời điểm.  
 C. số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. **D. số dân trung bình ở cùng thời điểm.**

**Câu 3. Nhân tố nào làm cho tỉ suất sinh cao?**

- A. Phong tục tập quán lạc hậu..** B. Kinh tế - xã hội phát triển ở trình độ cao.  
 C. Mức sống của dân cư cao. D. Số người ngoài độ tuổi lao động nhiều

**Câu 4. Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo**

- A. kinh độ. **B. vĩ độ.**  
 C. độ cao địa hình. D. vị trí gần hay xa đại dương.

**Câu 5. Nguyên nhân làm cho tỉ lệ nhập cư của một nước hay vùng lãnh thổ giảm đi là**

- A. chiến tranh, thiên tai nhiều.** B. khoáng sản không phong phú.  
 C. khí hậu ôn hòa. D. mức sống cao.

**Câu 6. Các quy luật địa đới và phi địa đới thường tác động**

- A. độc lập với nhau. B. xen kẽ nhau.  
**C. đồng thời và tương hỗ lẫn nhau.** D. đối lập nhau.

**Câu 7. Nguyên nhân chính gây ra tính địa đới là**

- A. sự phân bố theo đới của lượng bức xạ mặt trời.  
 B. sự thay đổi theo mùa của lượng bức xạ mặt trời.  
 C. sự phân phối không đều của lượng bức xạ mặt trời trên Trái Đất.  
**D. trái Đất hình cầu, lượng bức xạ mặt trời giảm dần từ Xích đạo về hai cực.**

**Câu 8. Những ví dụ nào dưới đây không biểu hiện quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí:**

- A. Càng về vĩ độ thấp, thời gian chiếu sáng càng ngắn, nhiệt độ càng thấp.**  
 B. Thực vật rừng bị phá hủy, đất sẽ bị sỏi mòn, khí hậu bị biến đổi.  
 C. Lượng mưa tăng lên làm tăng cường lưu lượng nước sông.  
 D. Khí hậu biến đổi từ khô hạn sang ẩm ướt làm thay đổi chế độ dòng chảy.

**Câu 9. Cho bảng số liệu:**

CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016

(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7
4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3
7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1

**Nhận xét nào sau đây là đúng?**

- A. Trung Quốc chiếm một nửa số dân của thế giới.  
**B. Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất thế giới.**  
 C. Hiện nay, dân số Trung Quốc đã đạt 1 tỉ người.  
 D. Dân số Trung Quốc gấp 2 lần dân số Nhật Bản.

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện số dân của thế giới và các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Miền.  
 C. Đường. **D. Cột.**

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
TRƯỜNG THPT MUỖNG TÈ

ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT  
MÔN: ĐỊA LỚP 10  
NĂM HỌC 2018 - 2019

Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC  
(Đề thi có 02 trang)

MÃ ĐỀ 102

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1. Tỉ số giữa người chết trong một năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm được gọi là**

- A. tỉ suất tử. **B. tỉ suất tử thô.**  
C. tỉ lệ tử. D. tỉ lệ tử thô.

**Câu 2. Sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô được gọi là**

- A. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.** B. tỉ suất gia tăng dân số cơ học.  
C. quy mô dân số. D. gia tăng dân số.

**Câu 3. Sự chênh lệch giữa số người xuất cư và số người nhập cư được gọi là**

- A. gia tăng dân số. B. cơ cấu dân số.  
**C. gia tăng cơ học.** D. quy mô dân số.

**Câu 4. Vòng đai nóng trên Trái Đất**

- A. nằm từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam.  
B. nằm trong khoảng từ vĩ tuyến  $5^0$  B đến vĩ tuyến  $5^0$  N.  
C. nằm giữa hai đường đẳng nhiệt năm  $+20^0$  của hai bán cầu.  
**D. nằm giữa các đường đẳng nhiệt  $+20^0$  của tháng nóng nhất.**

**Câu 5. Nguyên nhân làm cho tỉ lệ xuất cư của một nước hay một vùng lãnh thổ tăng lên là**

- A. khí hậu ôn hòa. B. dễ kiếm việc làm.  
**C. đời sống khó khăn, mức sống thấp.** D. khí hậu thuận lợi, đất đai màu mỡ.

**Câu 6. Càng ra xa bề mặt Trái Đất thì tính địa đới sẽ**

- A. càng tăng lên. **B. càng yếu dần.**  
C. không thay đổi. D. tùy theo vùng.

**Câu 7. Nguyên nhân tạo nên quy luật đai cao là**

- A. do nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.  
B. do dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ Mặt Trời.  
C. sự thay đổi của nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.  
**D. sự thay đổi của nhiệt độ, khí áp và độ ẩm không khí theo độ cao.**

**Câu 8. "Sinh con đông nhà có phúc" và quan niệm của xã hội phong kiến là một trong những yếu tố nào sau đây làm ảnh hưởng đến tỷ lệ sinh:**

- A. tự nhiên - sinh học. B. Hoàn cảnh kinh tế.  
**C. Tâm lý - xã hội.** D. Chính sách dân số.

**Câu 9. Đặc điểm nào sau đây không phải của lớp vỏ địa lí?**

- A. Các thành phần tự nhiên được thể hiện rõ nhất ở bề mặt đất.

**B. Được cấu tạo bởi đá trầm tích, đá granit, đá bazan.**

C. Nơi có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các lớp vỏ bộ phận.

D. Chiều dày không lớn tối đa khoảng 35 – 40km

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện cơ cấu dân số phân theo các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Miền.

**B. Tròn.**

C. Đường.

D. Cột.

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
TRƯỜNG THPT MƯỜNG TÈ

ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT  
MÔN: ĐỊA LỚP 10  
NĂM HỌC 2018 - 2019

Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
(Đề thi có 02 trang)

**MÃ ĐỀ 103**

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1. Nhân tố nào làm cho tỉ suất tử thô trên thế giới giảm?**

A. Chiến tranh gia tăng ở nhiều nước.

B. Thiên tai ngày càng nhiều.

C. Phong tục tập quán lạc hậu.

**D. Tiến bộ của y tế và khoa học kỹ thuật.**

**Câu 2. Tỉ suất tử vong trên thế giới hiện nay có xu hướng giảm đi rõ rệt, điều đó không phụ thuộc vào**

A. tiến bộ của y tế và khoa học - kỹ thuật.

B. sự cải thiện về thu nhập và điều kiện sống.

**C. sự suy giảm của các thiên tai.**

D. sự phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 3. Thông thường, mức sống của dân cư ngày càng cao thì tỉ suất tử thô càng**

A. cao.

**B. thấp.**

C. biến động.

D. thay đổi.

**Câu 4. Sự phân bố nhiệt trên Trái Đất được phân biệt bởi các vòng đai**

A. vòng đai nóng, vòng đai ôn hòa, vòng đai lạnh.

B. hai vòng đai nóng, hai vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh.

**C. vòng đai nóng, hai vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh.**

D. hai vòng đai nóng, vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh.

**Câu 5. Động lực phát triển dân số là**

A. gia tăng dân số cơ học.

**B. gia tăng dân số tự nhiên.**

C. gia tăng dân số tự nhiên và cơ học.

D. tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.

**Câu 6. Nguyên nhân chính nào tạo nên quy luật địa ô?**

**A. Do sự phân bố đất liền và biển, đại dương.**

B. Sự thay đổi lượng bức xạ mặt trời theo vĩ độ.



- C. Ảnh hưởng của các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến.
- D. Hoạt động của các đới gió thổi thường xuyên trên Trái Đất

**Câu 7. Nguyên nhân dẫn tới quy luật địa đới là**

- A. sự thay đổi lượng bức xạ mặt trời tới trái đất theo mùa.
- B. sự luân phiên ngày và đêm liên tục diễn ra trên trái đất.
- C. sự chênh lệch thời gian chiếu sáng trong năm theo vĩ độ.

**D. góc chiếu của tia sáng mặt trời đến bề mặt đất thay đổi theo vĩ độ.**

**Câu 8. Khi một thành phần nào đó thay đổi sẽ làm cho các thành phần khác của lớp vỏ địa lí thay đổi theo. Điều này thể hiện:**

- A. Tính địa đới của tự nhiên.
- B. **Tính thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.**
- C. Tính phi địa đới của tự nhiên.
- D. Quy luật đai cao

**Câu 9. Cho bảng số liệu:**

**CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016**

(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7
4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3
7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1

Điểm giống nhau về số dân của các nước trên là

- A. **đều có số dân trên 100 triệu người.**
- B. đều có số dân trên 200 triệu người.
- C. đều có số dân dưới 100 triệu người.
- D. đều có số dân trên 500 triệu người.

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

**SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015**

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện số dân của thế giới và các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Miền.
- C. Đường.
- D. **Cột.**

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
TRƯỜNG THPT MƯỜNG TÈ

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT**  
**MÔN: ĐỊA LỚP 10**  
**NĂM HỌC 2018 - 2019**

**Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)**

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
(Đề thi có 02 trang)

**MÃ ĐỀ 104**

Họ và tên: ..... Lớp: .....



**Câu 1. Tỉ số giữa trẻ em sinh trong một năm so với số dân trung bình cùng thời điểm được gọi là**

- A. tỉ suất sinh.  
B. **tỉ suất sinh thô.**  
C. tỉ lệ sinh.  
D. tỉ lệ sinh thô.

**Câu 2. Tổng số giữa tỉ suất gia tăng tự nhiên và tỉ suất gia tăng cơ học của một quốc gia, một vùng được gọi là**

- A. tỉ suất gia tăng dân số.  
B. biến động gia tăng dân số.  
C. **gia tăng dân số.**  
D. quy mô dân số.

**Câu 3. Tỉ suất tử thô là tương quan giữa số người chết trong năm với**

- A. số người ở độ tuổi từ 0 - 14 tuổi.  
B. số người trong độ tuổi lao động.  
C. số trẻ em sinh ra ở cùng thời điểm.  
D. **số dân trung bình ở cùng thời điểm.**

**Câu 4. Trên bề mặt Trái Đất, ở mỗi bán cầu, từ cực về Xích đạo có các loại gió được phân bố theo thứ tự như thế nào?**

- A. Gió cực, gió ôn đới, gió nhiệt đới.  
B. **Gió Đông cực, gió Tây ôn đới, gió Tín phong.**  
C. Gió Đông, gió Tây, gió Đông.  
D. Gió cực, gió Tây, gió Tín phong.

**Câu 5. Tỉ suất sinh cao, chủ yếu không phải do**

- A. **khả năng sinh đẻ tự nhiên.**  
B. chính sách phát triển dân số.  
C. yếu tố tâm lý xã hội.  
D. trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 6. Nguyên nhân tạo nên quy luật phi địa đới là do**

- A. sự vận động tự quay của Trái Đất.  
B. dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ mặt trời.  
C. **nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.**  
D. các tác nhân ngoại lực như gió, mưa.

**Câu 7. Sự hình thành các đới địa lí là do sự phối hợp của**

- A. lục địa và đại dương.  
B. nguồn năng lượng Mặt Trời và nguồn năng lượng trong lòng đất.  
C. hoàn lưu khí quyển và bề mặt Trái Đất.  
D. **nhật và âm.**

**Câu 8. Với quy luật về sự thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí, khi tiến hành các hoạt động khai thác tự nhiên trong lớp vỏ địa lí cần hết sức chú ý**

- A. Mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí là một bộ phận riêng biệt, cần được bảo vệ.  
B. **Sự can thiệp vào mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí sẽ gây phản ứng dây chuyền tới các thành phần khác.**  
C. Để đạt hiệu quả cao, cần tác động vào các thành phần của lớp vỏ địa lí cùng một lúc.  
D. Hết sức hạn chế việc tác động vào các thành phần của lớp vỏ địa lí.

**Câu 9. Cho bảng số liệu:**

CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016

(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7
4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3
7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1

**Các nước có số dân trên 100 triệu người:**

- A. **phần lớn tập trung ở các nước đang phát triển.**  
B. phần lớn tập trung ở các nước phát triển.  
C. chỉ tập trung ở châu Á.  
D. chỉ tập trung ở châu Phi.

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện cơ cấu dân số phân theo các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.  
C. Đường.  
**B. Tròn.**  
D. Cột.

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
TRƯỜNG THPT MUỖNG TÈ

ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT  
MÔN: ĐỊA LỚP 10  
NĂM HỌC 2018 - 2019

Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC  
(Đề thi có 02 trang)

MÃ ĐỀ 104

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1.** Tỉ số giữa trẻ em sinh trong một năm so với số dân trung bình cùng thời điểm được gọi là

- A. tỉ suất sinh.  
C. tỉ lệ sinh.  
**B. tỉ suất sinh thô.**  
D. tỉ lệ sinh thô.

**Câu 2.** Tổng số giữa tỉ suất gia tăng tự nhiên và tỉ suất gia tăng cơ học của một quốc gia, một vùng được gọi là

- A. tỉ suất gia tăng dân số.  
C. gia tăng dân số.  
B. biến động gia tăng dân số.  
D. quy mô dân số.

**Câu 3.** Tỉ suất tử thô là tương quan giữa số người chết trong năm với

- A. số người ở độ tuổi từ 0 - 14 tuổi.  
C. số trẻ em sinh ra ở cùng thời điểm.  
B. số người trong độ tuổi lao động.  
**D. số dân trung bình ở cùng thời điểm.**

**Câu 4.** Trên bề mặt Trái Đất, ở mỗi bán cầu, từ cực về Xích đạo có các loại gió được phân bố theo thứ tự như thế nào?

- A. Gió cực, gió ôn đới, gió nhiệt đới.  
C. Gió Đông, gió Tây, gió Đông.  
**B. Gió Đông cực, gió Tây ôn đới, gió Tín phong.**  
D. Gió cực, gió Tây, gió Tín phong.

**Câu 5.** Tỉ suất sinh cao, chủ yếu không phải do

- A. khả năng sinh đẻ tự nhiên.  
C. yếu tố tâm lí xã hội.  
B. chính sách phát triển dân số.  
D. trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 6.** Nguyên nhân tạo nên quy luật phi địa đới là do

- A. sự vận động tự quay của Trái Đất.  
C. nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.  
B. dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ mặt trời.  
D. các tác nhân ngoại lực như gió, mưa.

**Câu 7.** Sự hình thành các đới địa lí là do sự phối hợp của

- A. lục địa và đại dương.  
B. nguồn năng lượng Mặt Trời và nguồn năng lượng trong lòng đất.  
C. hoàn lưu khí quyển và bề mặt Trái Đất.  
**D. nhiệt và ẩm.**

**Câu 8. Với quy luật về sự thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí, khi tiến hành các hoạt động khai thác tự nhiên trong lớp vỏ địa lí cần hết sức chú ý**

A. Mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí là một bộ phận riêng biệt, cần được bảo vệ.

**B. Sự can thiệp vào mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí sẽ gây phản ứng dây chuyền tới các thành phần khác.**

C. Để đạt hiệu quả cao, cần tác động vào các thành phần của lớp vỏ địa lí cùng một lúc.

D. Hết sức hạn chế việc tác động vào các thành phần của lớp vỏ địa lí.

**Câu 9. Cho bảng số liệu:**

**CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016**

(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7
4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3
7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1

**Các nước có số dân trên 100 triệu người:**

**A. phần lớn tập trung ở các nước đang phát triển.**

B. phần lớn tập trung ở các nước phát triển.

C. chỉ tập trung ở châu Á.

D. chỉ tập trung ở châu Phi.

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

**SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015**

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

**Để thể hiện cơ cấu dân số phân theo các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?**

A. Miền.

**B. Tròn.**

C. Đường.

D. Cột.

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
TRƯỜNG THPT MƯỜNG TÈ

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT**  
**MÔN: ĐỊA LỚP 10**  
**NĂM HỌC 2018 - 2019**

**Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)**

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
(Đề thi có 02 trang)

**MÃ ĐỀ 105**

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1. Tỉ số giữa trẻ em sinh trong một năm so với số dân trung bình cùng thời điểm được gọi là**

- A. tỉ suất sinh.  
 B. **tỉ suất sinh thô.**  
 C. tỉ lệ sinh.  
 D. tỉ lệ sinh thô.

**Câu 2. Sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô được gọi là**

- A. **tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.**  
 B. tỉ suất gia tăng dân số cơ học.  
 C. quy mô dân số.  
 D. gia tăng dân số.

**Câu 3. Nhân tố nào làm cho tỉ suất sinh cao?**

- A. **Phong tục tập quán lạc hậu..**  
 B. Kinh tế - xã hội phát triển ở trình độ cao.  
 C. Mức sống của dân cư cao.  
 D. Số người ngoài độ tuổi lao động nhiều

**Câu 4. Sự phân bố nhiệt trên Trái Đất được phân biệt bởi các vòng đai**

- A. vòng đai nóng, vòng đai ôn hòa, vòng đai lạnh.  
 B. hai vòng đai nóng, hai vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh.  
 C. **vòng đai nóng, hai vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh.**  
 D. hai vòng đai nóng, vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh.

**Câu 5. Tỉ suất sinh cao, chủ yếu không phải do**

- A. **khả năng sinh đẻ tự nhiên.**  
 B. chính sách phát triển dân số.  
 C. yếu tố tâm lí xã hội.  
 D. trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 6. Các quy luật địa đới và phi địa đới thường tác động**

- A. độc lập với nhau.  
 B. xen kẽ nhau.  
 C. **đồng thời và tương hỗ lẫn nhau.**  
 D. đối lập nhau.

**Câu 7. Nguyên nhân dẫn tới quy luật địa đới là**

- A. sự thay đổi lượng bức xạ mặt trời tới trái đất theo mùa.  
 B. sự luân phiên ngày và đêm liên tục diễn ra trên trái đất.  
 C. sự chênh lệch thời gian chiếu sáng trong năm theo vĩ độ.  
 D. **góc chiếu của tia sáng mặt trời đến bề mặt đất thay đổi theo vĩ độ.**

**Câu 8. Những ví dụ nào dưới đây không biểu hiện quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí:**

- A. **Càng về vĩ độ thấp, thời gian chiếu sáng càng ngắn, nhiệt độ càng thấp.**  
 B. Thực vật rừng bị phá hủy, đất sẽ bị sỏi mòn, khí hậu bị biến đổi.  
 C. Lượng mưa tăng lên làm tăng cường lưu lượng nước sông.  
 D. Khí hậu biến đổi từ khô hạn sang ẩm ướt làm thay đổi chế độ dòng chảy.

**Câu 9. Cho bảng số liệu:**

CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016

(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7
4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3
7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1

Điểm giống nhau về số dân của các nước trên là

- A. **đều có số dân trên 100 triệu người.**  
 B. đều có số dân trên 200 triệu người.  
 C. đều có số dân dưới 100 triệu người.  
 D. đều có số dân trên 500 triệu người.

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện cơ cấu dân số phân theo các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miên.
- C. Đường.

- B. Tròn.**
- D. Cột.

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
TRƯỜNG THPT MƯỜNG TÈ

ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT  
MÔN: ĐỊA LỚP 10  
NĂM HỌC 2018 - 2019

Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
(Đề thi có 02 trang)

**MÃ ĐỀ 106**

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1. Tỉ số giữa người chết trong một năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm được gọi là**

- A. tỉ suất tử.
- B. tỉ suất tử thô.**
- C. tỉ lệ tử.
- D. tỉ lệ tử thô.

**Câu 2. Tổng số giữa tỉ suất gia tăng tự nhiên và tỉ suất gia tăng cơ học của một quốc gia, một vùng được gọi là**

- A. tỉ suất gia tăng dân số.
- B. biến động gia tăng dân số.
- C. gia tăng dân số.**
- D. quy mô dân số.

**Câu 3. Thông thường, mức sống của dân cư ngày càng cao thì tỉ suất tử thô càng**

- A. cao.
- B. thấp.**
- C. biến động.
- D. thay đổi.

**Câu 4. Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo**

- A. kinh độ.
- B. vĩ độ.**
- C. độ cao địa hình.
- D. vị trí gần hay xa đại dương.

**Câu 5. Nguyên nhân làm cho tỉ lệ xuất cư của một nước hay một vùng lãnh thổ tăng lên là**

- A. khí hậu ôn hòa.
- B. dễ kiếm việc làm.
- C. đời sống khó khăn, mức sống thấp.**
- D. khí hậu thuận lợi, đất đai màu mỡ.

**Câu 6. Nguyên nhân tạo nên quy luật phi địa đới là do**

- A. sự vận động tự quay của Trái Đất.
- B. dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ mặt trời.
- C. nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.**
- D. các tác nhân ngoại lực như gió, mưa.

**Câu 7. Nguyên nhân chính gây ra tính địa đới là**

- A. sự phân bố theo đới của lượng bức xạ mặt trời.
- B. sự thay đổi theo mùa của lượng bức xạ mặt trời.
- C. sự phân phối không đều của lượng bức xạ mặt trời trên Trái Đất.
- D. trái Đất hình cầu, lượng bức xạ mặt trời giảm dần từ Xích đạo về hai cực.**

**Câu 8. Với quy luật về sự thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí, khi tiến hành các hoạt động khai thác tự nhiên trong lớp vỏ địa lí cần hết sức chú ý**

- A. Mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí là một bộ phận riêng biệt, cần được bảo vệ.
- B. Sự can thiệp vào mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí sẽ gây phản ứng dây chuyền tới các thành phần khác.**

- C. Để đạt hiệu quả cao, cần tác động vào các thành phần của lớp vỏ địa lí cùng một lúc.  
 D. Hết sức hạn chế việc tác động vào các thành phần của lớp vỏ địa lí.

**Câu 9. Cho bảng số liệu:**

**CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016**

(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7
4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3
7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1

**Nhận xét nào sau đây là đúng?**

- A. Trung Quốc chiếm một nửa số dân của thế giới.  
**B. Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất thế giới.**  
 C. Hiện nay, dân số Trung Quốc đã đạt 1 tỉ người.  
 D. Dân số Trung Quốc gấp 2 lần dân số Nhật Bản.

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

**SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015**

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện số dân của thế giới và các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn.  
 B. Miền.  
 C. Đường.  
**D. Cột.**

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
 TRƯỜNG THPT MƯỜNG TÈ

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT**  
**MÔN: ĐỊA LỚP 10**  
**NĂM HỌC 2018 - 2019**

**Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)**

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
 (Đề thi có 02 trang)

**MÃ ĐỀ 107**

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1. Yếu tố quyết định đến sự biến động dân số thế giới là**

- A. nhập cư và xuất cư.  
**B. sinh đẻ và tử vong.**  
 C. số trẻ em sinh ra hằng năm.  
 D. số người tử vong hằng năm.

**Câu 2. Tỷ suất tử vong trên thế giới hiện nay có xu hướng giảm đi rõ rệt, điều đó không phụ thuộc vào**

- A. tiến bộ của y tế và khoa học - kĩ thuật.  
 B. sự cải thiện về thu nhập và điều kiện sống.

C. sự suy giảm của các thiên tai.

D. sự phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 3.** Tỉ suất tử thô là tương quan giữa số người chết trong năm với

A. số người ở độ tuổi từ 0 - 14 tuổi.

B. số người trong độ tuổi lao động.

C. số trẻ em sinh ra ở cùng thời điểm.

D. số dân trung bình ở cùng thời điểm.

**Câu 4.** Vòng đai nóng trên Trái Đất

A. nằm từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam.

B. nằm trong khoảng từ vĩ tuyến 5° B đến vĩ tuyến 5°N.

C. nằm giữa hai đường đẳng nhiệt năm +20° của hai bán cầu.

D. nằm giữa các đường đẳng nhiệt +20° của tháng nóng nhất.

**Câu 5.** Nguyên nhân làm cho tỉ lệ nhập cư của một nước hay vùng lãnh thổ giảm đi là

A. chiến tranh, thiên tai nhiều.

B. khoáng sản không phong phú.

C. khí hậu ôn hòa.

D. mức sống cao.

**Câu 6.** Càng ra xa bề mặt Trái Đất thì tính địa đới sẽ

A. càng tăng lên.

B. càng yếu dần.

C. không thay đổi.

D. tùy theo vùng.

**Câu 7.** Sự hình thành các đới địa lí là do sự phối hợp của

A. lực địa và đại dương.

B. nguồn năng lượng Mặt Trời và nguồn năng lượng trong lòng đất.

C. hoàn lưu khí quyển và bề mặt Trái Đất.

D. nhiệt và ẩm.

**Câu 8.** "Sinh con đông nhà có phúc" và quan niệm của xã hội phong kiến là một trong những yếu tố nào sau đây làm ảnh hưởng đến tỷ lệ sinh:

A. tự nhiên - sinh học.

B. Hoàn cảnh kinh tế.

C. Tâm lý - xã hội.

D. Chính sách dân số.

**Câu 9.** Cho bảng số liệu:

CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016

(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7
4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3
7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1

**Các nước có số dân trên 100 triệu người:**

A. phần lớn tập trung ở các nước đang phát triển.

B. phần lớn tập trung ở các nước phát triển.

C. chỉ tập trung ở châu Á.

D. chỉ tập trung ở châu Phi.

**Câu 10.** Cho bảng số liệu:

SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện cơ cấu dân số phân theo các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Miền.

B. Tròn.

C. Đường.

D. Cột.

----- HẾT -----



Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC

(Đề thi có 02 trang)

MÃ ĐỀ 108

Họ và tên: ..... Lớp:  
.....

**Câu 1. Nhân tố nào làm cho tỉ suất tử thô trên thế giới giảm?**

- A. Chiến tranh gia tăng ở nhiều nước. B. Thiên tai ngày càng nhiều.  
C. Phong tục tập quán lạc hậu. **D. Tiến bộ của y tế và khoa học kỹ thuật.**

**Câu 2. Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra với**

- A. số trẻ em bị tử vong cùng thời điểm. B. số phụ nữ trong cùng thời điểm.  
C. số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. **D. số dân trung bình ở cùng thời điểm.**

**Câu 3. Sự chênh lệch giữa số người xuất cư và số người nhập cư được gọi là**

- A. gia tăng dân số. B. cơ cấu dân số.  
**C. gia tăng cơ học.** D. quy mô dân số.

**Câu 4. Trên bề mặt Trái Đất, ở mỗi bán cầu, từ cực về Xích đạo có các loại gió được phân bố theo thứ tự như thế nào?**

- A. Gió cực, gió ôn đới, gió nhiệt đới. **B. Gió Đông cực, gió Tây ôn đới, gió Tín phong.**  
C. Gió Đông, gió Tây, gió Đông. D. Gió cực, gió Tây, gió Tín phong.

**Câu 5. Động lực phát triển dân số là**

- A. gia tăng dân số cơ học. **B. gia tăng dân số tự nhiên.**  
C. gia tăng dân số tự nhiên và cơ học. D. tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.

**Câu 6. Nguyên nhân chính nào tạo nên quy luật địa ô?**

- A. Do sự phân bố đất liền và biển, đại dương.**  
B. Sự thay đổi lượng bức xạ mặt trời theo vĩ độ.  
C. Ảnh hưởng của các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến.  
D. Hoạt động của các đới gió thổi thường xuyên trên Trái Đất

**Câu 7. Nguyên nhân tạo nên quy luật đai cao là**

- A. do nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.  
B. do dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ Mặt Trời.  
C. sự thay đổi của nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.  
**D. sự thay đổi của nhiệt độ, khí áp và độ ẩm không khí theo độ cao.**

**Câu 8. Khi một thành phần nào đó thay đổi sẽ làm cho các thành phần khác của lớp vỏ địa lí thay đổi theo. Điều này thể hiện:**

- A. Tính địa đới của tự nhiên. **B. Tính thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.**  
C. Tính phi địa đới của tự nhiên. D. Quy luật đai cao

**Câu 9. Đặc điểm nào sau đây không phải của lớp vỏ địa lí?**

- A. Các thành phần tự nhiên được thể hiện rõ nhất ở bề mặt đất.  
**B. Được cấu tạo bởi đá trầm tích, đá granit, đá bazan.**  
C. Nơi có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các lớp vỏ bộ phận.

D. Chiều dày không lớn tối đa khoảng 35 – 40km

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

**SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015**

*(Đơn vị: triệu người)*

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện số dân của thế giới và các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Tròn.

B. Miền.

C. Đường.

**D. Cột.**

----- HẾT -----

Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC  
(Đề thi có 02 trang)

MÃ ĐỀ 101

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1. Yếu tố quyết định đến sự biến động dân số thế giới là**

- A. nhập cư và xuất cư.  
C. số trẻ em sinh ra hằng năm.
- B. sinh đẻ và tử vong.**  
D. số người tử vong hằng năm.

**Câu 2. Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra với**

- A. số trẻ em bị tử vong cùng thời điểm.  
C. số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ.
- B. số phụ nữ trong cùng thời điểm.  
**D. số dân trung bình ở cùng thời điểm.**

**Câu 3. Nhân tố nào làm cho tỉ suất sinh cao?**

- A. Phong tục tập quán lạc hậu..**  
C. Mức sống của dân cư cao.
- B. Kinh tế - xã hội phát triển ở trình độ cao.  
D. Số người ngoài độ tuổi lao động nhiều

**Câu 4. Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo**

- A. kinh độ.  
C. độ cao địa hình.
- B. vĩ độ.**  
D. vị trí gần hay xa đại dương.

**Câu 5. Nguyên nhân làm cho tỉ lệ nhập cư của một nước hay vùng lãnh thổ giảm đi là**

- A. chiến tranh, thiên tai nhiều.**  
C. khí hậu ôn hòa.
- B. khoáng sản không phong phú.  
D. mức sống cao.

**Câu 6. Các quy luật địa đới và phi địa đới thường tác động**

- A. độc lập với nhau.  
**C. đồng thời và tương hỗ lẫn nhau.**
- B. xen kẽ nhau.  
D. đối lập nhau.

**Câu 7. Nguyên nhân chính gây ra tính địa đới là**

- A. sự phân bố theo đới của lượng bức xạ mặt trời.  
B. sự thay đổi theo mùa của lượng bức xạ mặt trời.  
C. sự phân phối không đều của lượng bức xạ mặt trời trên Trái Đất.
- D. trái Đất hình cầu, lượng bức xạ mặt trời giảm dần từ Xích đạo về hai cực.**

**Câu 8. Những ví dụ nào dưới đây không biểu hiện quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí:**

- A. Càng về vĩ độ thấp, thời gian chiếu sáng càng ngắn, nhiệt độ càng thấp.**  
B. Thực vật rừng bị phá hủy, đất sẽ bị sỏi mòn, khí hậu bị biến đổi.  
C. Lượng mưa tăng lên làm tăng cường lưu lượng nước sông.  
D. Khí hậu biến đổi từ khô hạn sang ẩm ướt làm thay đổi chế độ dòng chảy.

**Câu 9. Cho bảng số liệu:**

CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016

(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7
4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3

7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1
---	-------------	-------	----	----------	--------

**Nhận xét nào sau đây là đúng?**

- A. Trung Quốc chiếm một nửa số dân của thế giới.  
**B. Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất thế giới.**  
 C. Hiện nay, dân số Trung Quốc đã đạt 1 tỉ người.  
 D. Dân số Trung Quốc gấp 2 lần dân số Nhật Bản.

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mĩ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện số dân của thế giới và các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Miền.  
 C. Đường. **D. Cột.**

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
 TRƯỜNG THPT MƯỜNG TÈ

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT**  
**MÔN: ĐỊA LỚP 10**  
**NĂM HỌC 2018 - 2019**

**Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)**

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
 (Đề thi có 02 trang)

**MÃ ĐỀ 102**

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1. Tỉ số giữa người chết trong một năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm được gọi là**

- A. tỉ suất tử. **B. tỉ suất tử thô.**  
 C. tỉ lệ tử. D. tỉ lệ tử thô.

**Câu 2. Sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô được gọi là**

- A. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.** B. tỉ suất gia tăng dân số cơ học.  
 C. quy mô dân số. D. gia tăng dân số.

**Câu 3. Sự chênh lệch giữa số người xuất cư và số người nhập cư được gọi là**

- A. gia tăng dân số. B. cơ cấu dân số.  
**C. gia tăng cơ học.** D. quy mô dân số.

**Câu 4. Vòng đai nóng trên Trái Đất**

- A. nằm từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam.  
 B. nằm trong khoảng từ vĩ tuyến 5<sup>0</sup>B đến vĩ tuyến 5<sup>0</sup>N.  
 C. nằm giữa hai đường đẳng nhiệt năm +20<sup>0</sup> của hai bán cầu.  
**D. nằm giữa các đường đẳng nhiệt +20<sup>0</sup> của tháng nóng nhất.**

**Câu 5. Nguyên nhân làm cho tỉ lệ xuất cư của một nước hay một vùng lãnh thổ tăng lên là**

- A. khí hậu ôn hòa. B. dễ kiếm việc làm.  
**C. đời sống khó khăn, mức sống thấp.** D. khí hậu thuận lợi, đất đai màu mỡ.

**Câu 6. Càng ra xa bề mặt Trái Đất thì tính địa đới sẽ**

- A. càng tăng lên. **B. càng yếu dần.**  
 C. không thay đổi. D. tùy theo vùng.

**Câu 7. Nguyên nhân tạo nên quy luật đai cao là**

- A. do nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.
- B. do dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ Mặt Trời.
- C. sự thay đổi của nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.

**D. sự thay đổi của nhiệt độ, khí áp và độ ẩm không khí theo độ cao.**

**Câu 8. "Sinh con đông nhà có phúc" và quan niệm của xã hội phong kiến là một trong những yếu tố nào sau đây làm ảnh hưởng đến tỷ lệ sinh:**

- A. tự nhiên - sinh học.
- B. Hoàn cảnh kinh tế.
- C. Tâm lý - xã hội.
- D. Chính sách dân số.

**Câu 9. Đặc điểm nào sau đây không phải của lớp vỏ địa lí?**

- A. Các thành phần tự nhiên được thể hiện rõ nhất ở bề mặt đất.
- B. Được cấu tạo bởi đá trầm tích, đá granit, đá bazan.
- C. Nơi có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các lớp vỏ bộ phận.
- D. Chiều dày không lớn tới đa khoảng 35 – 40km

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

**Để thể hiện cơ cấu dân số phân theo các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?**

- A. Miền.
- B. Tròn.
- C. Đường.
- D. Cột.

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
TRƯỜNG THPT MUỜNG TÈ

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT**  
**MÔN: ĐỊA LỚP 10**  
**NĂM HỌC 2018 - 2019**

**Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)**

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
(Đề thi có 02 trang)

**MÃ ĐỀ 103**

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1. Nhân tố nào làm cho tỉ suất tử thô trên thế giới giảm?**

- A. Chiến tranh gia tăng ở nhiều nước.
- B. Thiên tai ngày càng nhiều.
- C. Phong tục tập quán lạc hậu.
- D. Tiến bộ của y tế và khoa học kỹ thuật.

**Câu 2. Tỉ suất tử vong trên thế giới hiện nay có xu hướng giảm đi rõ rệt, điều đó không phụ thuộc vào**

- A. tiến bộ của y tế và khoa học - kỹ thuật.
- B. sự cải thiện về thu nhập và điều kiện sống.
- C. sự suy giảm của các thiên tai.
- D. sự phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 3. Thông thường, mức sống của dân cư ngày càng cao thì tỉ suất tử thô càng**

- A. cao.
- B. thấp.

C. biến động.

D. thay đổi.

**Câu 4. Sự phân bố nhiệt trên Trái Đất được phân biệt bởi các vòng đai**

A. vòng đai nóng, vòng đai ôn hòa, vòng đai lạnh.

B. hai vòng đai nóng, hai vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh.

**C. vòng đai nóng, hai vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh.**

D. hai vòng đai nóng, vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh.

**Câu 5. Động lực phát triển dân số là**

A. gia tăng dân số cơ học.

**B. gia tăng dân số tự nhiên.**

C. gia tăng dân số tự nhiên và cơ học.

D. tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.

**Câu 6. Nguyên nhân chính nào tạo nên quy luật địa ô?**

**A. Do sự phân bố đất liền và biển, đại dương.**

B. Sự thay đổi lượng bức xạ mặt trời theo vĩ độ.

C. Ảnh hưởng của các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến.

D. Hoạt động của các đới gió thổi thường xuyên trên Trái Đất

**Câu 7. Nguyên nhân dẫn tới quy luật địa đới là**

A. sự thay đổi lượng bức xạ mặt trời tới trái đất theo mùa.

B. sự luân phiên ngày và đêm liên tục diễn ra trên trái đất.

C. sự chênh lệch thời gian chiếu sáng trong năm theo vĩ độ.

**D. góc chiếu của tia sáng mặt trời đến bề mặt đất thay đổi theo vĩ độ.**

**Câu 8. Khi một thành phần nào đó thay đổi sẽ làm cho các thành phần khác của lớp vỏ địa lí thay đổi theo. Điều này thể hiện:**

A. Tính địa đới của tự nhiên.

**B. Tính thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.**

C. Tính phi địa đới của tự nhiên.

D. Quy luật đai cao

**Câu 9. Cho bảng số liệu:**

**CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016**

(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7
4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3
7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1

Điểm giống nhau về số dân của các nước trên là

**A. đều có số dân trên 100 triệu người.**

B. đều có số dân trên 200 triệu người.

C. đều có số dân dưới 100 triệu người.

D. đều có số dân trên 500 triệu người.

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

**SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015**

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện số dân của thế giới và các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Tròn.

B. Miền.

C. Đường.

**D. Cột.**

----- HẾT -----

Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC  
(Đề thi có 02 trang)

MÃ ĐỀ 104

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1. Tỉ số giữa trẻ em sinh trong một năm so với số dân trung bình cùng thời điểm được gọi là**

- A. tỉ suất sinh.  
C. tỉ lệ sinh.  
B. **tỉ suất sinh thô.**  
D. tỉ lệ sinh thô.

**Câu 2. Tổng số giữa tỉ suất gia tăng tự nhiên và tỉ suất gia tăng cơ học của một quốc gia, một vùng được gọi là**

- A. tỉ suất gia tăng dân số.  
C. **gia tăng dân số.**  
B. biến động gia tăng dân số.  
D. quy mô dân số.

**Câu 3. Tỉ suất tử thô là tương quan giữa số người chết trong năm với**

- A. số người ở độ tuổi từ 0 - 14 tuổi.  
C. số trẻ em sinh ra ở cùng thời điểm.  
B. số người trong độ tuổi lao động.  
D. **số dân trung bình ở cùng thời điểm.**

**Câu 4. Trên bề mặt Trái Đất, ở mỗi bán cầu, từ cực về Xích đạo có các loại gió được phân bố theo thứ tự như thế nào?**

- A. Gió cực, gió ôn đới, gió nhiệt đới.  
C. Gió Đông, gió Tây, gió Đông.  
B. **Gió Đông cực, gió Tây ôn đới, gió Tín phong.**  
D. Gió cực, gió Tây, gió Tín phong.

**Câu 5. Tỉ suất sinh cao, chủ yếu không phải do**

- A. **khả năng sinh đẻ tự nhiên.**  
C. yếu tố tâm lí xã hội.  
B. chính sách phát triển dân số.  
D. trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 6. Nguyên nhân tạo nên quy luật phi địa đới là do**

- A. sự vận động tự quay của Trái Đất.  
C. **nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.**  
B. dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ mặt trời.  
D. các tác nhân ngoại lực như gió, mưa.

**Câu 7. Sự hình thành các đới địa lí là do sự phối hợp của**

- A. lục địa và đại dương.  
B. nguồn năng lượng Mặt Trời và nguồn năng lượng trong lòng đất.  
C. hoàn lưu khí quyển và bề mặt Trái Đất.  
D. **nhiệt và ẩm.**

**Câu 8. Với quy luật về sự thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí, khi tiến hành các hoạt động khai thác tự nhiên trong lớp vỏ địa lí cần hết sức chú ý**

- A. Mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí là một bộ phận riêng biệt, cần được bảo vệ.  
B. **Sự can thiệp vào mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí sẽ gây phản ứng dây chuyền tới các thành phần khác.**  
C. Để đạt hiệu quả cao, cần tác động vào các thành phần của lớp vỏ địa lí cùng một lúc.  
D. Hết sức hạn chế việc tác động vào các thành phần của lớp vỏ địa lí.

**Câu 9. Cho bảng số liệu:**

CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016  
(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7



4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3
7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1

Các nước có số dân trên 100 triệu người:

- A.** phần lớn tập trung ở các nước đang phát triển.  
 B. phần lớn tập trung ở các nước phát triển.  
 C. chỉ tập trung ở châu Á.  
 D. chỉ tập trung ở châu Phi.

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện cơ cấu dân số phân theo các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Miền.  
 B. Tròn.  
 C. Đường.  
 D. Cột.

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
 TRƯỜNG THPT MƯỜNG TÈ

ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT  
 MÔN: ĐỊA LỚP 10  
 NĂM HỌC 2018 - 2019

Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ THI CHÍNH THỨC  
 (Đề thi có 02 trang)

MÃ ĐỀ 105

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1. Tỉ số giữa trẻ em sinh trong một năm so với số dân trung bình cùng thời điểm được gọi là**

- A. tỉ suất sinh.  
 B. tỉ suất sinh thô.  
 C. tỉ lệ sinh.  
 D. tỉ lệ sinh thô.

**Câu 2. Sự chênh lệch giữa tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô được gọi là**

- A. tỉ suất gia tăng dân số tự nhiên.  
 B. tỉ suất gia tăng dân số cơ học.  
 C. quy mô dân số.  
 D. gia tăng dân số.

**Câu 3. Nhân tố nào làm cho tỉ suất sinh cao?**

- A. Phong tục tập quán lạc hậu..  
 B. Kinh tế - xã hội phát triển ở trình độ cao.  
 C. Mức sống của dân cư cao.  
 D. Số người ngoài độ tuổi lao động nhiều

**Câu 4. Sự phân bố nhiệt trên Trái Đất được phân biệt bởi các vòng đai**

- A. vòng đai nóng, vòng đai ôn hòa, vòng đai lạnh.  
 B. hai vòng đai nóng, hai vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh.  
 C. vòng đai nóng, hai vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh.

D. hai vòng đai nóng, vòng đai ôn hòa, hai vòng đai lạnh.

**Câu 5. Tỷ suất sinh cao, chủ yếu không phải do**

**A. khả năng sinh đẻ tự nhiên.**

B. chính sách phát triển dân số.

C. yếu tố tâm lý xã hội.

D. trình độ phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 6. Các quy luật địa đới và phi địa đới thường tác động**

A. độc lập với nhau.

B. xen kẽ nhau.

**C. đồng thời và tương hỗ lẫn nhau.**

D. đối lập nhau.

**Câu 7. Nguyên nhân dẫn tới quy luật địa đới là**

A. sự thay đổi lượng bức xạ mặt trời tới trái đất theo mùa.

B. sự luân phiên ngày và đêm liên tục diễn ra trên trái đất.

C. sự chênh lệch thời gian chiếu sáng trong năm theo vĩ độ.

**D. góc chiếu của tia sáng mặt trời đến bề mặt đất thay đổi theo vĩ độ.**

**Câu 8. Những ví dụ nào dưới đây không biểu hiện quy luật thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lý:**

**A. Càng về vĩ độ thấp, thời gian chiếu sáng càng ngắn, nhiệt độ càng thấp.**

B. Thực vật rừng bị phá hủy, đất sẽ bị sỏi mòn, khí hậu bị biến đổi.

C. Lượng mưa tăng lên làm tăng cường lưu lượng nước sông.

D. Khí hậu biến đổi từ khô hạn sang ẩm ướt làm thay đổi chế độ dòng chảy.

**Câu 9. Cho bảng số liệu:**

CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016

(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7
4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3
7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1

Điểm giống nhau về số dân của các nước trên là

**A. đều có số dân trên 100 triệu người.**

B. đều có số dân trên 200 triệu người.

C. đều có số dân dưới 100 triệu người.

D. đều có số dân trên 500 triệu người.

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện cơ cấu dân số phân theo các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

A. Miền.

**B. Tròn.**

C. Đường.

D. Cột.

----- HẾT -----

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1. Tỉ số giữa người chết trong một năm so với số dân trung bình ở cùng thời điểm được gọi là**

- A. tỉ suất tử. **B. tỉ suất tử thô.**  
C. tỉ lệ tử. D. tỉ lệ tử thô.

**Câu 2. Tổng số giữa tỉ suất gia tăng tự nhiên và tỉ suất gia tăng cơ học của một quốc gia, một vùng được gọi là**

- A. tỉ suất gia tăng dân số. B. biến động gia tăng dân số.  
**C. gia tăng dân số.** D. quy mô dân số.

**Câu 3. Thông thường, mức sống của dân cư ngày càng cao thì tỉ suất tử thô càng**

- A. cao. **B. thấp.**  
C. biến động. D. thay đổi.

**Câu 4. Quy luật địa đới là sự thay đổi có quy luật của tất cả các thành phần địa lí và cảnh quan địa lí theo**

- A. kinh độ. **B. vĩ độ.**  
C. độ cao địa hình. D. vị trí gần hay xa đại dương.

**Câu 5. Nguyên nhân làm cho tỉ lệ xuất cư của một nước hay một vùng lãnh thổ tăng lên là**

- A. khí hậu ôn hòa. B. dễ kiếm việc làm.  
**C. đời sống khó khăn, mức sống thấp.** D. khí hậu thuận lợi, đất đai màu mỡ.

**Câu 6. Nguyên nhân tạo nên quy luật phi địa đới là do**

- A. sự vận động tự quay của Trái Đất. B. dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ mặt trời.  
**C. nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.** D. các tác nhân ngoại lực như gió, mưa.

**Câu 7. Nguyên nhân chính gây ra tính địa đới là**

- A. sự phân bố theo đới của lượng bức xạ mặt trời.  
B. sự thay đổi theo mùa của lượng bức xạ mặt trời.  
C. sự phân phối không đều của lượng bức xạ mặt trời trên Trái Đất.  
**D. trái Đất hình cầu, lượng bức xạ mặt trời giảm dần từ Xích đạo về hai cực.**

**Câu 8. Với quy luật về sự thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí, khi tiến hành các hoạt động khai thác tự nhiên trong lớp vỏ địa lí cần hết sức chú ý**

- A. Mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí là một bộ phận riêng biệt, cần được bảo vệ.  
**B. Sự can thiệp vào mỗi thành phần của lớp vỏ địa lí sẽ gây phản ứng dây chuyền tới các thành phần khác.**

C. Để đạt hiệu quả cao, cần tác động vào các thành phần của lớp vỏ địa lí cùng một lúc.

D. Hết sức hạn chế việc tác động vào các thành phần của lớp vỏ địa lí.

**Câu 9. Cho bảng số liệu:**

**CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016**

(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7
4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3
7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1

**Nhận xét nào sau đây là đúng?**

- A. Trung Quốc chiếm một nửa số dân của thế giới.
- B. Trung Quốc là quốc gia đông dân nhất thế giới.**
- C. Hiện nay, dân số Trung Quốc đã đạt 1 tỉ người.
- D. Dân số Trung Quốc gấp 2 lần dân số Nhật Bản.

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

**SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015**

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện số dân của thế giới và các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn.
- B. Miền.
- C. Đường.
- D. Cột.**

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
**TRƯỜNG THPT MƯỜNG TÈ**

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT**  
**MÔN: ĐỊA LỚP 10**  
**NĂM HỌC 2018 - 2019**

**Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)**

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**

(Đề thi có 02 trang)

**MÃ ĐỀ 107**

Họ và tên: ..... Lớp: .....

**Câu 1. Yếu tố quyết định đến sự biến động dân số thế giới là**

- A. nhập cư và xuất cư.
- B. sinh đẻ và tử vong.**
- C. số trẻ em sinh ra hằng năm.
- D. số người tử vong hằng năm.

**Câu 2. Tỉ suất tử vong trên thế giới hiện nay có xu hướng giảm đi rõ rệt, điều đó không phụ thuộc vào**

- A. tiến bộ của y tế và khoa học - kĩ thuật.
- B. sự cải thiện về thu nhập và điều kiện sống.
- C. sự suy giảm của các thiên tai.**
- D. sự phát triển kinh tế - xã hội.

**Câu 3. Tỉ suất tử thô là tương quan giữa số người chết trong năm với**

- A. số người ở độ tuổi từ 0 - 14 tuổi.
- B. số người trong độ tuổi lao động.
- C. số trẻ em sinh ra ở cùng thời điểm.
- D. số dân trung bình ở cùng thời điểm.**

**Câu 4. Vòng đai nóng trên Trái Đất**

- A. nằm từ chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam.
- B. nằm trong khoảng từ vĩ tuyến 5<sup>0</sup> B đến vĩ tuyến 5<sup>0</sup> N.
- C. nằm giữa hai đường đẳng nhiệt năm +20<sup>0</sup> của hai bán cầu.
- D. nằm giữa các đường đẳng nhiệt +20<sup>0</sup> của tháng nóng nhất.**

**Câu 5. Nguyên nhân làm cho tỉ lệ nhập cư của một nước hay vùng lãnh thổ giảm đi là**

- A. chiến tranh, thiên tai nhiều.**
- B. khoáng sản không phong phú.
- C. khí hậu ôn hòa.
- D. mức sống cao.

**Câu 6. Càng ra xa bề mặt Trái Đất thì tính địa đới sẽ**

- A. càng tăng lên.
- B. càng yếu dần.**

C. không thay đổi. D. tùy theo vùng.

**Câu 7. Sự hình thành các đới địa lí là do sự phối hợp của**

- A. lục địa và đại dương.
- B. nguồn năng lượng Mặt Trời và nguồn năng lượng trong lòng đất.
- C. hoàn lưu khí quyển và bề mặt Trái Đất.

**D. nhiệt và ẩm.**

**Câu 8. "Sinh con đông nhà có phúc" và quan niệm của xã hội phong kiến là một trong những yếu tố nào sau đây làm ảnh hưởng đến tỷ lệ sinh:**

- A. tự nhiên - sinh học.
- B. Hoàn cảnh kinh tế.

**C. Tâm lý - xã hội.**

D. Chính sách dân số.

**Câu 9. Cho bảng số liệu:**

**CÁC NƯỚC CÓ SỐ DÂN ĐÔNG TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2016**

(Đơn vị: triệu người)

STT	Nước	Số dân	STT	Nước	Số dân
1	Trung Quốc	1379	8	Băng-la-đét	156,1
2	Ấn Độ	1266	9	Liên bang Nga	142,3
3	Hoa Kỳ	323,9	10	Nhật Bản	126,7
4	In-đô-nê-xi-a	258,3	11	Mê-hi-cô	123,1
5	Bra-xin	205,8	12	Nam Phi	102,6
6	Pa-ki-xtan	201,9	13	Ê-ti-ô-pi-a	102,3
7	Ni-giê-ri-a	186,0	14	Thế giới	7406,1

**Các nước có số dân trên 100 triệu người:**

**A. phần lớn tập trung ở các nước đang phát triển.**

B. phần lớn tập trung ở các nước phát triển.

C. chỉ tập trung ở châu Á.

D. chỉ tập trung ở châu Phi.

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

**SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015**

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

**Để thể hiện cơ cấu dân số phân theo các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?**

A. Miền.

**B. Tròn.**

C. Đường.

D. Cột.

----- HẾT -----

SỞ GD & ĐT LAI CHÂU  
TRƯỜNG THPT MƯỜNG TÈ

**ĐỀ KIỂM TRA HỌC 15 PHÚT**  
**MÔN: ĐỊA LỚP 10**  
**NĂM HỌC 2018 - 2019**

**Thời gian làm bài: 15 phút (không kể thời gian phát đề)**

**ĐỀ THI CHÍNH THỨC**  
(Đề thi có 02 trang)

**MÃ ĐỀ 108**

Họ và tên: ..... Lớp:

.....

**Câu 1. Nhân tố nào làm cho tỉ suất tử thô trên thế giới giảm?**

- A. Chiến tranh gia tăng ở nhiều nước. B. Thiên tai ngày càng nhiều.  
C. Phong tục tập quán lạc hậu. **D. Tiến bộ của y tế và khoa học kỹ thuật.**

**Câu 2. Tỉ suất sinh thô là tương quan giữa số trẻ em được sinh ra với**

- A. số trẻ em bị tử vong cùng thời điểm. B. số phụ nữ trong cùng thời điểm.  
C. số phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. **D. số dân trung bình ở cùng thời điểm.**

**Câu 3. Sự chênh lệch giữa số người xuất cư và số người nhập cư được gọi là**

- A. gia tăng dân số. B. cơ cấu dân số.  
**C. gia tăng cơ học.** D. quy mô dân số.

**Câu 4. Trên bề mặt Trái Đất, ở mỗi bán cầu, từ cực về Xích đạo có các loại gió được phân bố theo thứ tự như thế nào?**

- A. Gió cực, gió ôn đới, gió nhiệt đới. **B. Gió Đông cực, gió Tây ôn đới, gió Tín phong.**  
C. Gió Đông, gió Tây, gió Đông. D. Gió cực, gió Tây, gió Tín phong.

**Câu 5. Động lực phát triển dân số là**

- A. gia tăng dân số cơ học. **B. gia tăng dân số tự nhiên.**  
C. gia tăng dân số tự nhiên và cơ học. D. tỉ suất sinh thô và tỉ suất tử thô.

**Câu 6. Nguyên nhân chính nào tạo nên quy luật địa ô?**

- A. Do sự phân bố đất liền và biển, đại dương.**  
B. Sự thay đổi lượng bức xạ mặt trời theo vĩ độ.  
C. Ảnh hưởng của các dãy núi chạy theo hướng kinh tuyến.  
D. Hoạt động của các đới gió thổi thường xuyên trên Trái Đất

**Câu 7. Nguyên nhân tạo nên quy luật đai cao là**

- A. do nguồn năng lượng bên trong Trái Đất.  
B. do dạng hình cầu của Trái Đất và bức xạ Mặt Trời.  
C. sự thay đổi của nhiệt độ và độ ẩm theo kinh độ.  
**D. sự thay đổi của nhiệt độ, khí áp và độ ẩm không khí theo độ cao.**

**Câu 8. Khi một thành phần nào đó thay đổi sẽ làm cho các thành phần khác của lớp vỏ địa lí thay đổi theo. Điều này thể hiện:**

- A. Tính địa đới của tự nhiên. **B. Tính thống nhất và hoàn chỉnh của lớp vỏ địa lí.**  
C. Tính phi địa đới của tự nhiên. D. Quy luật đai cao

**Câu 9. Đặc điểm nào sau đây không phải của lớp vỏ địa lí?**

- A. Các thành phần tự nhiên được thể hiện rõ nhất ở bề mặt đất.  
**B. Được cấu tạo bởi đá trầm tích, đá granit, đá bazan.**  
C. Nơi có sự xâm nhập và tác động lẫn nhau của các lớp vỏ bộ phận.  
D. Chiều dày không lớn tới đa khoảng 35 – 40km

**Câu 10. Cho bảng số liệu:**

**SỐ DÂN CỦA THẾ GIỚI VÀ CÁC CHÂU LỤC NĂM 2015**

(Đơn vị: triệu người)

Châu lục	Thế giới	Châu Âu	Châu Á	Châu Phi	Châu Mỹ	Châu Đại Dương
Số dân	7346	738	4391	1186	992	39

Để thể hiện số dân của thế giới và các châu lục năm 2015, biểu đồ nào sau đây thích hợp nhất?

- A. Tròn. B. Miền.  
C. Đường. **D. Cột.**

----- HẾT -----

